

Số: 2892/UBND-TH

Đức Thọ, ngày 12 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

**Tóm tắt ước thực hiện một số chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội,
quốc phòng - An ninh năm 2018**

(Tài liệu phục vụ tiếp xúc cử tri với Đoàn Đại biểu HĐND tỉnh, huyện)

Năm 2018 mặc dù tình hình kinh tế - xã hội trong nước và tỉnh gặp nhiều khó khăn; thời tiết diễn ra bất thường nhưng dưới sự lãnh đạo chỉ đạo, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở và nhân dân, các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra và đều tăng so với cùng kỳ năm 2017 (Có 18/27 chỉ tiêu ước đạt và vượt KH; 6/27 chỉ tiêu xấp xỉ đạt KH; 3/27 chỉ tiêu đạt 32 - 50%KH); quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định. Cụ thể:

I. Về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cụ thể theo kế hoạch năm 2018: (Kèm theo biểu chi tiết)

Có 18/27 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, gồm:

- Tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 829/800 tỷ đồng đạt 103,6%KH, vượt 3,6% KH giao năm 2018.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 187/145 tỷ đồng KH tỉnh giao và 150 tỷ đồng KH huyện giao; vượt KH tỉnh giao 42 tỷ đồng (29%) và kế hoạch huyện giao 37 tỷ đồng (24,7%).
- Thành lập 31/20 Doanh nghiệp, vượt 55% kế hoạch.
- Thành lập 35/30 tổ hợp tác vượt 16% so với kế hoạch.
- Đoàn lộn ước đạt 30.600/30.200 con đạt 101,3 %, vượt 1,3 so với KH
- Đoàn gia cầm ước đạt 796.300/760.000 con đạt 106,3%; vượt 6,3 so với KH
- Thành lập các mô hình lĩnh vực nông nghiệp ước đạt 112/111 mô hình đạt 100,9% KH; vượt 0,9% so với KH.
- Các mô hình lĩnh vực CN, TTCN ước đạt 40/40 mô hình đạt 100% KH
- Làm đường GTNT ước đạt 44,2/39km; vượt KH 13,3%
- Xây dựng kênh mương cứng ước đạt 16/16km, đạt 100%KH (Trong đó thực hiện theo cơ chế hỗ trợ xi măng 7,19/7km; vượt 2,7% so với KH)
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 623/600 người; vượt 3,83% so với KH
- Lao động được giải quyết việc làm ước đạt 1.505/1.300 người; vượt 15,7% so với KH (Trong đó lao động trong nước 1.093/900 người vượt 21,44% KH, lao động xuất khẩu 412/400 người; vượt 3% so với KH)
- Tỷ lệ hộ nghèo theo báo cáo nhanh giảm 4,62%/ 4,77% (KH)
- Tỷ lệ trẻ em SDD xuống dưới 13,7%/13,7% KH
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT ước đạt >90%
- Xây dựng Nhà văn hóa thôn, Làng văn hóa, gia đình văn hóa ước đạt 100% KH
- Tỷ lệ hộ dùng nước sạch 65/60%; vượt 0,5%.

- Đơn vị đạt cơ sở ATLC, SSCĐ đạt 100%

* Có 6/28 chỉ tiêu xấp xỉ đạt kế hoạch: Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh đạt 98,8/100%KH; huy động 40/42% trẻ dưới 3 tuổi đến trường (đạt 95,23%KH); tổng đàn trâu bò 28.085/29.600 con (đạt 94,8%KH); số trạm y tế có bác sỹ 17/20 (đạt 85%KH); 8 xã chỉ đạo về đích/11 xã theo KH (đạt 72,7%KH); thành lập 14/20 HTX (70%KH).

Bên cạnh đó còn một số chỉ tiêu đạt thấp như: Xây dựng KDC mẫu được 28/56 KDC (đạt 50% KH); cấp đổi 390/1.217 GCN QSD đất ở còn tồn đọng (đạt 32%KH); xây dựng 3/7 trường chuẩn trong năm 2018 (đạt 43%KH);

II. Thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Đô thị văn minh:

1. Kết quả xây dựng xã đạt chuẩn Nông thôn mới tại các xã theo QĐ 05/2017 của UBND tỉnh (ước thực hiện đến 31/12/2018)

- Theo quyết định 05/2017 của UBND tỉnh, toàn huyện ước đạt 533/540 tiêu chí đạt 98,7%, bình quân mỗi xã đạt 19,74 tiêu chí;

- Năm 2018 đã có thêm 02 xã đạt chuẩn NTM, dự ước cuối năm có thêm 4 – 5 xã đạt chchuaanmaang tổng số xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn huyện 24 xã; 3 xã đạt 17-19 tiêu chí (Đức Dũng, Đức An, Liên Minh); có 1 xã đạt chuẩn xã Nông thôn mới kiểu mẫu (Tùng Ảnh).

2. Đối với 9 tiêu chí cấp huyện theo QĐ số 558/QĐ-TTg, ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến nay huyện đánh giá đạt 6/9 tiêu chí (*Thủy Lợi, Điện, An ninh trật tự xã hội, Chỉ đạo xây dựng NTM, Quy hoạch, Sản xuất*), còn 3/9 tiêu chí chưa đạt (*Giao thông, Y tế - Văn hóa – Giáo dục, Môi trường*);

3. Nguồn lực cho xây dựng NTM : Huy động nguồn lực 11 tháng đầu năm đạt 233.788 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách các cấp 95.200 triệu đồng chiếm 40,72% (*TW, tỉnh 37.697 triệu đồng, huyện 10.253 triệu đồng, xã 47.250 triệu đồng*); lồng ghép 72.565 triệu đồng chiếm 31,03%; vốn tín dụng 17.870 triệu đồng chiếm 7,64%; doanh nghiệp 5.125 triệu đồng chiếm 2,19%; cộng đồng dân cư 37.824 triệu đồng chiếm 16,17%; con em xa quê, đỡ đầu tài trợ 5.204 triệu đồng chiếm 2,25%.

4. Quốc phòng, an ninh, nội chính

- Chủ động nắm chắc tình hình, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn;

- Duy trì chế độ tiếp dân thường xuyên và tiếp dân định kỳ đảm bảo đúng luật định. Tiếp nhận, xử lý kịp thời đơn thư khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của công dân.

- Hoạt động hiệu quả của Trung tâm hành chính công huyện là bước đột phá về cải cách hành chính, giúp người dân được tiếp cận dịch vụ công một cách thuận lợi và hiệu quả nhất. Các thủ tục hành chính được giải quyết nhanh gọn và kịp thời, giúp tiết kiệm được thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

5. Xây dựng đô thị văn minh:

Ban hành Quyết định và thực hiện hướng dẫn tạm thời Bộ tiêu chí xây dựng thị trấn Đức Thọ đạt chuẩn đô thị văn minh (2018 – 2020); phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban, ngành chỉ đạo hướng dẫn đơn đốc Thị trấn thực hiện 19 tiêu chí tạm thời về xây dựng thị trấn Đức Thọ đạt chuẩn Văn minh đô thị (2018 – 2020). Ra quân vạch mốc giải tỏa một số tuyến đường nội thị trọng tâm là đường Nguyễn Thị Minh Khai, giải tỏa các biển báo vi phạm. Chỉ đạo Thị trấn thực hiện gắn biển ngõ ngách, số nhà dân, chỉnh trang cơ sở vật chất văn hóa tại Trung tâm hành chính của Thị và các tổ dân phố; chỉnh trang hành lang đô thị, các tuyến đường tại các tổ dân phố...

III. Một số tồn tại, hạn chế:

1. Một số chỉ tiêu đạt thấp so với kế hoạch (Xây dựng KDC mẫu, cấp đổi GCN QSD đất còn tồn đọng, xây dựng trường chuẩn trong năm 2018)

2. Một số xã không thành lập được mới được mô hình sản xuất, THT, HTX, và doanh nghiệp. Triển khai xây dựng KDC mẫu, vườn mẫu thiếu đồng đều tại các thôn đặc biệt trong công tác chỉnh trang phát triển kinh tế vườn, sắp xếp đồ dùng từng hộ gia đình và vệ sinh môi trường khu dân cư..

3. Cấp đổi GCN QSD đất tồn đọng còn nhiều vướng mắc. Hoạt động của các HTX môi trường gặp rất nhiều khó khăn. Công tác tuyên truyền cho nhân dân chủ động phân loại, xử lý rác tại hộ còn thấp nên khối lượng rác đưa lên bãi rác Phụng Thành khá cao, đặc biệt là Thị trấn Đức Thọ (trung bình 14m³/ngày). Ô nhiễm môi trường tại bãi rác Phụng Thành và vùng phụ cận do rác thải quá tải, gây bức xúc trong dư luận, đã làm một số hộ dân ở gần bãi rác bất bình, tụ tập cản trở gây phức tạp tình hình an ninh trật tự.

4. Tình hình các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, An ninh tôn giáo vẫn còn tiềm ẩn, diễn biến phức tạp.

IV. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:

Ngoài nguyên nhân khách quan như tình hình kinh tế xã hội, an ninh trật tự trong nước và trong tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết diễn biến bất thường. Nhưng tồn tại chủ yếu vẫn do nguyên nhân chủ quan, đó là:

- Một số phòng, ban chưa thường xuyên hướng dẫn, đơn đốc, chỉ đạo các xã thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện về phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới ở nhiều địa phương chưa tập trung cao, thiếu tâm huyết, ngại va chạm. Công tác chỉnh trang cải tạo, quy hoạch vườn hộ, vệ sinh đường làng ngõ xóm trong khu dân cư; xây dựng khu dân cư mẫu, vườn mẫu chưa được quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên.

- Công tác quản lý Nhà nước ở một số lĩnh vực như đất đai, tài nguyên, khoáng sản; hành lang ATGT, đô thị, An ninh vùng giáo chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến tình trạng tồn đọng, chậm tiến độ và kết quả thực hiện đạt thấp.

Trên đây là báo cáo ước kết quả thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng Nông thôn mới, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2018, UBND huyện Đức Thọ báo cáo. *haha*

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

The first part of the report discusses the current situation of the... (text is mirrored and illegible)

The second part of the report discusses the current situation of the... (text is mirrored and illegible)

The third part of the report discusses the current situation of the... (text is mirrored and illegible)

The fourth part of the report discusses the current situation of the... (text is mirrored and illegible)

The fifth part of the report discusses the current situation of the... (text is mirrored and illegible)

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC
ƯỚC ĐẾN 31/12/2018**

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018			So sánh với cùng kỳ năm trước (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện đến 31/12/2018	Đạt tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4
I	Các chỉ tiêu Nông thôn mới						
1	- Số xã chỉ đạo về đích NTM	xã	5	11	8	72,7	160
2	- Số tiêu chí cần hoàn thành	Tiêu chí	58	79	72	91,13	124,13
3	- Xây dựng KDC mẫu đạt 100%	Thôn/xóm	16	56	28	50	175
II	Các chỉ tiêu Kinh tế						
1	- Cơ cấu kinh tế:		100	100.0	100.0		
	+ Nông, Lâm, Thủy sản:	%	19,0	21.0	22,88		
	+ Công nghiệp - TTCN - XD:	%	37,8	37.0	36,67		
	+ Thương mại - DV:	%	43,2	42.0	40,45		
2	- Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	679	800	829	103,6	122.0
3	- Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	165	150	187		
	+ Tỉnh giao	Tỷ đồng	125,4	145	187	129.0	149.1
	+ Huyện giao	Tỷ đồng	155,4	150	187	124.7	120.3
4	- Thành lập Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác		75	70	80	114.2	106.6
	Trong đó: - Doanh nghiệp	DN	21	20	31	155.0	147.6
	- Hợp tác xã	HTX	21	20	14	70.0	66.6
	- Tổ hợp tác	THT	33	30	35	116.0	106.0
5	- Tổng SL lương thực quy thóc	Tấn	56,022	67,534	62,055	91.88	110.7
	- Tổng đàn chủ yếu						
	+ Đàn trâu bò	Con		29,600	28.085	94,8	
	+ Đàn lợn	Con		30,200	30,600	101,3	
	+ Đàn gia cầm	Con		760,000	796,300	106,3	
6	- Mô hình lớn, vừa, nhỏ (lĩnh vực Nông nghiệp)	Mô hình	130	111	112	100,9	86.0
	+ Mô hình lớn	Mô hình	10	7	7	100.0	70.0
	+ Mô hình vừa	Mô hình	20	20	21	105.0	105.0
	+ Mô hình nhỏ	Mô hình	100	84	84	100.0	84.0
7	- Mô hình lớn, vừa, nhỏ (lĩnh vực TTCN - TMDV)	Mô hình	44	40	40	100.0	90.9
	+ Mô hình lớn	Mô hình	10	7	7	100.0	70.0
	+ Mô hình vừa	Mô hình	15	12	12	100.0	80.0
	+ Mô hình nhỏ	Mô hình	19	21	21	100.0	110.5

8	- Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở	Giấy		1,217	390	32.0	
9	- Giao thông nông thôn	Km	76,6	39	44,2	113,3	57,7
10	- Giao thông nội đồng	Km	7	6	1,9	31,6	27,1
11	- Xây dựng kênh mương cứng	Km	21,8	16	16	100.0	73.3
	+ Trong đó: Thực hiện theo cơ chế hỗ trợ xi măng	Km		7	7,19	102.7	
III	Các chỉ tiêu Xã hội						
1	- Duy trì dân số:	Người		105,000	103,250		
2	- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Người	617	600	623	103,83	100,9
3	- Lao động được GQVL	Người	1.494	1,300	1.505	115,7	100,6
	+ Lao động trong nước	Người	1.086	900	1.093	121,44	100,6
	+ Lao động xuất khẩu	Người	408	400	412	103.0	100,9
4	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	4,97	4.77	4.62		
5	- Giảm tỷ lệ trẻ em SDD xuống dưới (theo chuẩn NTM)	%	14,5	13.7	13.7		
6	- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	88	>90	>90		
7	- Tỷ lệ hộ dùng nước sạch, hợp vệ sinh	%	98,8				
	+ Tỷ lệ hộ dùng nước sạch	%		60	60,5		
	+ Tỷ lệ hộ dùng nước hợp VS	%		100	98,8		
8	- Trạm y tế có bác sỹ	Bác sỹ	20	20	17	85.0	85.0
9	- Xây dựng Trường chuẩn QG	Trường	59	66	59	89,3	100
	+ Xây dựng trường chuẩn trong năm	Trường	3	7	3	43	100
10	- Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi đến trường	%		42	40	95,23	
11	- Xây dựng mới nhà văn hóa thôn	Nhà	11	3	3	100	27.3
12	- Làng văn hóa	Làng	47	73	73	100	155.3
13	- Gia đình văn hóa	GD	28.285	30.344	30.344	100	107.2
14	- Đơn vị đạt cơ sở an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu	%	100	100	100	100.0	100.0

Handwritten signature